

Số: /2024/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn, bản, đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 510/TTr-VPĐP ngày 07/6/2024 và Công văn số 573/VPĐP-NV ngày 21/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận

thôn, bản, đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Chương I như sau:

“Điều 2. Phân vùng trong xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn

1. Đối với thôn, bản xây dựng NTM được phân thành 02 vùng:

a) Vùng 1: Thôn, bản thuộc các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực II, III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc; thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; thôn, bản thuộc xã an toàn khu thuộc huyện nghèo theo Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Vùng 2: Các thôn, bản còn lại.

2. Đối với thôn, bản xây dựng NTM kiểu mẫu: Không áp dụng phân vùng trong xét, công nhận đạt chuẩn.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 6 Chương II như sau:

a) Sửa đổi tiêu chí số 3 về Nghèo đa chiều như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo Vùng	
			Vùng 1	Vùng 2
3	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025	< 13%	< 6,5%

b) Sửa đổi chỉ tiêu 7.4 thuộc tiêu chí số 7 về Y tế, như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo Vùng	
			Vùng 1	Vùng 2
7	Y tế	7.4. Thôn, bản triển khai thực hiện số khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Đạt

c) Sửa đổi chỉ tiêu 9.1 thuộc tiêu chí số 9 về Môi trường và An toàn thực phẩm như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo Vùng	
			Vùng 1	Vùng 2

9	Môi trường và An toàn thực phẩm	9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	<p>≥45% (đối với thôn, bản thuộc các xã khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</p> <p>≥20% (đối với thôn, bản thuộc các xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc)</p> <p>Không quy định tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung</p>	<p>≥45% (đối với thôn thuộc các xã khu vực I tại các huyện miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)</p> <p>≥45% đối với thôn thuộc các xã còn lại (<i>trong đó, ≥20% từ hệ thống cấp nước sạch tập trung</i>)</p>
---	----------------------------------------	-----------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

d) Sửa đổi chỉ tiêu 12.1 thuộc tiêu chí số 12 về Thông tin và truyền thông như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo Vùng		
			Vùng 1	Vùng 2	
12	Thông tin và truyền thông	12.1	Tỷ lệ hộ gia đình trong thôn có lắp đặt Internet cáp quang	≥50%	≥50%
			Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động của thôn có điện thoại thông minh	≥60%	≥60%

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 6 Chương II như sau:

a) Sửa đổi chỉ tiêu 7.2, 7.3 thuộc tiêu chí số 7 về Y tế như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
----	--------------	-------------------	----------

7	Y tế	7.2. Thôn, bản triển khai thực hiện quản lý sức khoẻ điện tử	Đạt
		7.3. Thôn, bản triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt

b) Sửa đổi chỉ tiêu 13.1 thuộc tiêu chí số 13 về Thông tin và truyền thông như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu
13	Thông tin và truyền thông	13.1	Tỷ lệ hộ gia đình trong thôn có lắp đặt Internet cáp quang	$\geq 60\%$
			Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động của thôn có điện thoại thông minh	$\geq 70\%$

c) Sửa đổi chỉ tiêu 14.4 thuộc tiêu chí số 14 về Hệ thống chính trị; tiếp cận pháp luật như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu
14	Hệ thống chính trị; tiếp cận pháp luật	14.4. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành		$\geq 90\%$

Điều 2. Bãi bỏ nội dung chỉ tiêu 12.3 thuộc tiêu chí số 12 về Thông tin và truyền thông, tại Khoản 1 Điều 6 Chương II.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2024.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, Trưởng các thôn, bản và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- BCD TW các Chương trình MTQG (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCD tỉnh (2747-QĐ/TU, 2023);
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang